TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2024
V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Nguyễn Khánh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Triệu

2. Ông Bùi Quang Nghĩa

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Như Ngọc, thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Phượng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2023/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Ngọc T**, sinh năm 1982

Nơi cư trú: khu vực T, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông **Phương Văn D**, sinh năm 1971

Nơi cư trú: khu vực T, phường Thới L, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc T trình bày:* Bà và ông Phương Văn D tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2007, đến năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới Long,

quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Phạm Phương Thái P (nam), sinh ngày 23/10/2010 và Phương Thị Ngọc M (nữ) sinh ngày 08/3/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông D thường hay cờ bạc, không quan tâm chăm sóc gia đình, ông bà không có tiếng nói chung. Bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D .

Về con chung: bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phương Thị Ngọc M đến khi trưởng thành. Đối với cháu Phạm Phương Thái P hiện đang sống cùng ông D nên bà đồng ý ổn định cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Phương Thái P đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà T và ông D tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà T trình bày là không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Phương Văn D* : tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông D vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến của ông D được.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Phương Văn D , về con chung bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phương Thị Ngọc M , đồng ý giao cháu Phạm Phương Thái P cho ông D nuôi dưỡng đến trưởng thành, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: tự thỏa thuận và nợ chung: bà T trình bày là không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phương Văn Dvắng mặt không rõ lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn phát biểu quan điểm: cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà. Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, tư cách những người tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: bà Phạm Thị Ngọc T và ông Phương Văn D tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mặc dù ông bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T ông Dũng đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt

được nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Về con chung: hiện cháu Ngọc M sống cùng bà T và cháu M có nguyện vọng muốn được sống cùng bà T nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu M cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với cháu Phạm Phương Thái P đang sống cùng với ông Phương Văn D , do ông D đi làm; cháu P thì đi học nên không thể tiến hành ghi lời khai của ông D cũng như ý kiến của cháu P do ông D vắng mặt nhiều lần, không hợp tác trong việc lấy ý kiến của cháu P ; nên đề nghị tiếp tục giao con chung là cháu Thái P cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung: bà T và ông D tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Về nợ chung: bà T trình bày là không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 và Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: vụ kiện đã được thụ lý theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên tòa án tiến hành thủ tục niêm yết xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: theo đơn khởi kiện bà Phạm Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với ông Phương Văn D . Hội đồng xét xử thấy rằng tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về ly hôn, nuôi con giữa công dân với công dân thuộc ngành Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà Phạm Thị Ngọc T và ông Phương Văn Dtự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn nên xem đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa bà T và ông D đã thực sự rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục tình trạng này sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của cả hai, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thi.

[4] Đối với bị đơn ông Phương Văn D , Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần mà ông D vẫn không đến tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa, chứng tỏ ông không còn thiết tha đến việc hàn gắn tình cảm gia đình nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: bà Phạm Thị Ngọc T và ông Phương Văn Dchung sống với nhau có 02 con chung là Phạm Phương Thái P (nam), sinh ngày 23/10/2010 và Phương Thị Ngọc M (nữ) sinh ngày 08/3/2016. Cháu Ngọc M hiện đang sống cùng bà T và bà T có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu M đến khi trưởng thành không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con; cháu M có bản tự khai trình bày nguyện vọng muốn được sống cùng bà T nên Hội đồng xét xử giao cháu M cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 20/3/2024 và 24/5/2024 thì cháu Phạm Phương Thái P đang sống cùng với ông Phương Văn D , tuy nhiên ông D thường xuyên vắng nhà, hàng ngày ông đi làm từ sáng đến chiều khoảng 5 - 6 giờ mới về nhà; cháu P thì đi học nên không thể tiến hành ghi lời khai của ông D cũng như ý kiến của cháu P được. Do hiện tại cháu P đang sống cùng ông D , Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của đương sự do ông D vắng mặt nhiều lần, không hợp tác trong việc lấy ý kiến của cháu P ; để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung là cháu Thái P cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở.

[6] Về tài sản chung: bà T và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: bà T trình bày là không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Nhưng do xét xử vắng mặt ông D nên tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

[8] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 53; Điều 56; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị Ngọc T được ly hôn với ông Phương Văn D .

Về con chung: giao cháu Phương Thị Ngọc M (nữ) sinh ngày 08/3/2016 cho bà Phạm Thị Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Phương Thái P (nam), sinh ngày 23/10/2010 cho ông Phương Văn Dtiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Phương Văn Dvà bà Phạm Thị Ngọc T theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: bà T và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà T trình bày là không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Nhưng do xét xử vắng mặt ông D nên tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: bà Phạm Thị Ngọc T phải nộp 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004347 ngày 30/11/2023 thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Nguyễn Khánh Xuân

* ***Nơi nhận:***

- VKSND Q. Ô Môn;
- T hành án Q. Ô Môn;
- Các đương sự;
- TAND TPCT;
- Lưu hồ sơ;